

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2023.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Cẩm Loan

2. Ông Lê Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Thùy Tr**, sinh năm 1996 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp Cù Tr, xã An S, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

- Bị đơn: **Anh Phạm Việt Th** sinh năm 1996 (*Có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Cù Tr, xã An S, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/5/2023 nguyên đơn chị Lê Thị Thùy Tr trình bày: Trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện yêu thương nhau, chị Tr và anh Th quyết định chung sống vợ chồng, hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An S ngày 19/11/2018. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2021 giữa chị và anh Th thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, chị Tr và anh Th đã sống ly thân từ nhiều năm. Nay chị Tr xin được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Tr và anh Th có 01 người con chung tên: Phạm Lê Ngọc T, sinh ngày 02/9/2019, giới tính nữ. Chị Tr có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tâm đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, anh Phạm Việt Th vắng mặt nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy Tr khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Phạm Việt Th nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Phạm Việt Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy Tr xin được ly hôn với anh Phạm Việt Th là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị Tr và anh Th đã có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, giữa anh chị không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Phạm Việt Th.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Tr và anh Th có 01 người con chung là cháu Phạm Lê Ngọc T, sinh ngày 02/9/2019, giới tính nữ. Chị Tr có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tâm đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở bởi lẽ hiện nay cháu Tâm là giới tính nữ nên giao cho chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Tâm. Chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị Thùy Tr phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Phạm Việt Th.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Ngọc T, sinh ngày 02/9/2019, giới tính nữ, cho chị Tr nuôi dưỡng đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi, anh Th không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thùy Tr phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007140 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị Tr đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh